



## KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ TÍNH CHỈ SỐ GIÁ TIỀN LƯƠNG

TS. Đinh Thị Thúy Phương\*,  
ThS. Nguyễn Thị Xuân Mai\*\*

### Tóm tắt:

Trên thế giới có nhiều chỉ số liên quan đến tiền lương được nghiên cứu và gọi dưới nhiều tên khác nhau, như: Chỉ số giá tiền công (WPI); chỉ số chi phí lao động (LCI); chỉ số chi phí việc làm (ECI)... Mặc dù các nước sử dụng tên thuật ngữ khác nhau, nhưng bản chất tương đối giống nhau, hay nói cách khác, đó là khoản chi phí người sử dụng lao động trả cho người lao động. Bài viết này giới thiệu kinh nghiệm tính chỉ số giá tiền lương (CSGTL) và các chỉ số tương tự ở một số quốc gia, từ đó rút ra một số bài học trong việc áp dụng tính CSGTL tại Việt Nam.

### 1. Tổng quan về chỉ số giá tiền lương trên thế giới

Tại một số nước tiên tiến trên thế giới, có nhiều chỉ số liên quan đến tiền lương được nghiên cứu và được gọi dưới nhiều tên khác nhau, như: Chỉ số giá tiền công (Wage Price Index - WPI), chỉ số chi phí lao động (Labour Cost Index - LCI), chỉ số chi phí việc làm (Employment Cost Index - ECI)... Đã có một số công trình nghiên cứu và bài báo, sách tham khảo đề cập đến vấn đề này.

LCI là khái niệm được sử dụng ở các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu (EU), New Zealand, Canada, Thái Lan... Mặc dù vậy, trong một nghiên cứu, Sharan (2001) đã chỉ ra rằng, không có một định nghĩa phổ quát về LCI trong khi khái niệm chi phí lao động đơn vị lại được chấp nhận toàn cầu. Nhìn chung, LCI đo lường tổng chi phí của một đơn vị lao động cho một giờ làm việc. Trong

hai thành phần của chi phí lao động, khái niệm tiền lương và tiền công là tương tự ở các nước nhưng thành phần thứ hai, chi phí phúc lợi phi lương lại khác nhau giữa các quốc gia do phụ thuộc vào nhu cầu và động lực của nền kinh tế. Vì thế, mặc dù chi phí lao động đơn vị hay năng suất lao động được đo lường như nhau ở các quốc gia, nhưng LCI của các quốc gia lại không được đo lường giống nhau. LCI được tính rất phổ biến ở EU. Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) đã thiết lập một khung chung cho việc sản xuất, truyền tải và đánh giá LCI có tính so sánh trong EU. Trên cơ sở hướng dẫn này, các nước đã thực hiện tính và công bố công khai chỉ tiêu theo quý, năm trên trang web chính thức của các quốc gia và Eurostat. Các số liệu thống kê này đã cung cấp một bức tranh chi tiết về mức độ, cơ cấu và sự phát triển ngắn hạn của LCI. LCI của Eurostat đo lường

\* Vụ Thống kê Giá, Tổng cục Thống kê

\*\* Khoa Thống kê, Đại học Kinh tế quốc dân

## ➤➤➤ THỐNG KÊ QUỐC TẾ VÀ HỘI NHẬP

chi phí phát sinh từ lao động của quá trình sản xuất. Chỉ số này được phân tổ theo các mục chi phí (tiền lương và tiền công, các đóng góp xã hội của chủ lao động) cũng như theo các hoạt động kinh tế của ngành công nghiệp và dịch vụ (bao gồm cả hành chính công).

New Zealand là một quốc gia ngoài EU cũng tính LCI. LCI ở New Zealand đo lường những thay đổi trong giá tiền công và tiền lương của lao động. Các thành phần giá tiền lương và tiền công của LCI đo lường biến động của mức lương cơ bản và mức lương theo thời gian thông thường, và mức lương làm thêm giờ. Các thành phần phi tiền lương đo lường những thay đổi trong các khoản chi phí của chủ sử dụng lao động, bao gồm: Nghỉ phép và nghỉ theo luật hàng năm, hưu trí, phí bảo hiểm sử dụng lao động của Tổng công ty bồi thường tai nạn, bảo hiểm y tế, phương tiện vận chuyển sẵn có dùng cho tư nhân, các khoản vay lãi suất thấp. Nguồn dữ liệu phục vụ tính LCI ở New Zealand là từ điều tra chi phí lao động. Các thông tin về mức tiền lương và tiền công được thu thập hàng quý thông qua bảng hỏi giấy hoặc điện tử. Để theo dõi chính xác sự biến động về mức tiền lương và tiền công, những người tham gia trả lời sẽ được phỏng vấn đều đặn vào mỗi quý. Quy mô mẫu tương đối lớn, bao gồm tất cả các nghề trong mỗi ngành thuộc mỗi lĩnh vực của nền kinh tế.

Ở Mỹ, ECI có vai trò tương tự như LCI ở các nước EU. ECI là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng cấp liên bang đo lường sự biến động của giá lao động theo quý, được xác định như khoản bù đắp cho mỗi giờ làm việc của một lao động theo một nhóm công việc cố định. Theo Ruser (2001), mặc dù được chấp nhận một cách rộng rãi trong khu vực tài

chính nhưng ở Mỹ, ECI ít được báo chí quan tâm hơn chỉ số giá tiêu dùng (CPI). Trong khi CPI là thước đo lạm phát giá tiêu dùng thì ECI lại là một chỉ số quan trọng cho biết biến động tăng hay giảm của chi phí lao động. Nói cách khác, ECI là thước đo lạm phát tiền lương và phúc lợi được trả bởi chủ sử dụng lao động.

Australia đã công bố hàng quý chỉ số chi phí tiền công (Wage Cost Index - WCI) từ năm 1997 nhằm đo lường biến động của mức tiền lương, tiền công theo giờ phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau. Chỉ số này bao gồm 4 chỉ số thành phần: Mức thanh toán không kể tiền thưởng theo giờ thông thường; mức thanh toán bao gồm tiền thưởng theo giờ thông thường; tổng mức thanh toán không kể tiền thưởng theo giờ; tổng mức thanh toán gồm tiền thưởng theo giờ. Trong khi cả bốn chỉ số đều theo dõi những thay đổi về giá cả lao động trên thị trường lao động Australia, các chỉ số bao gồm tiền thưởng phản ánh những thay đổi trong chất lượng công việc thực hiện. Vì thế, chỉ có các chỉ số không bao gồm các khoản tiền thưởng mới được coi là "chỉ số giá thuần túy". Tức là, chúng đo những thay đổi trong giá cả của lao động và không bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về số lượng và chất lượng công việc thực hiện. Các cuộc điều tra đã tập trung hoàn toàn vào mức tiền lương, tiền công để tính WCI. Tuy nhiên, đến quý 2 năm 2002, phạm vi điều tra được tăng lên nhằm kết hợp việc thu thập các chi phí ngoài lương. Các chỉ số này được kết hợp với tổng mức thanh toán không kể tiền thưởng theo giờ và tổng mức thanh toán bao gồm tiền thưởng theo giờ để xây dựng chỉ số giá lao động thành phần hoặc toàn bộ. Sự tăng lên về phạm vi được phản ánh trong sự thay đổi tên gọi, từ ECI

thành LCI giống như các nước châu Âu. LCI của Australia được xem là "chỉ số giá thuần túy" hay là chỉ số giá lao động không kể tiền thưởng. Năm 2012 do bị cắt giảm chương trình, Cơ quan Thống kê Australia (ABS) đã dừng thu thập các khoản chi phí ngoài lương và tính LCI. Tên gọi của chỉ tiêu này một lần nữa đã thay đổi thành chỉ số giá tiền công (Wage Price Index - WPI). WPI đo lường những thay đổi trong mức giá mà người chủ sử dụng lao động trả cho người lao động do các nhân tố thị trường. WPI bao gồm 4 chỉ số thành phần tương tự WCI và được tính toán, công bố hàng quý. Toàn bộ phương pháp luận của WPI được công bố công khai trên website chính thức của ABS.

Nhìn chung, các quốc gia tiên tiến đều có những nghiên cứu và tính toán về CSGTL hay các chỉ số tương tự. Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia, do có những đặc điểm riêng và điều kiện số liệu cụ thể mà nội dung cũng như phạm vi tính những chỉ số này là khác nhau. Về cơ bản, dù sử dụng các thuật ngữ khác nhau nhưng LCI, WPI hay ECI có bản chất tương đối giống nhau. Đó là các chỉ số này đều đo lường sự thay đổi trong giá cả của lao động hay các khoản chi phí người sử dụng lao động trả cho người lao động.

### **2. Điểm giống và khác nhau trong tính chỉ số giá tiền lương và các chỉ số tương tự**

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm tính CSGTL và các chỉ số tương tự ở một số quốc gia, nhóm tác giả nhận thấy một số điểm giống và khác nhau như sau:

*Thứ nhất*, các chỉ số này đều áp dụng công thức Laspeyres. Tuy vậy, có sự khác

biệt nhất định về quyền số, cụ thể là: (1) Chỉ số có quyền số cố định, được tính ở Mỹ, Canada và Anh; (2) Chỉ số có quyền số thay đổi theo chuỗi (cập nhật hàng năm), thực hiện ở Australia, New Zealand, Thái Lan và Eurostat.

*Thứ hai*, các quốc gia này đều sử dụng tiền lương bình quân hoặc chi phí tiền lương bình quân theo giờ khi tính toán chỉ số.

*Thứ ba*, nguồn thông tin tính CSGTL và các chỉ số tương tự ở các nước đều là các cuộc điều tra thống kê. Tuy vậy, tùy theo mục đích của mình mà mỗi quốc gia thực hiện các cuộc điều tra khác nhau. Chẳng hạn, ở Thái Lan là kết hợp trong điều tra Lao động việc làm; ở Mỹ là điều tra chi phí tiền lương quốc gia; ở châu Âu là điều tra chi phí lao động... Mặc dù vậy, các cuộc điều tra này đều thu thập thông tin về chi phí tiền lương cho các công việc ở trong các doanh nghiệp hoặc các cơ sở kinh tế nhất định.

*Thứ tư*, các quốc gia đều không xem xét các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản do đều xác định đây là các doanh nghiệp hầu như không có lao động và chịu ảnh hưởng lớn bởi tính mùa vụ. Trong từng điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, một số ngành kinh tế khác cũng không được xem xét.

*Cuối cùng*, trừ Thái Lan, LCI do Ngân hàng Trung ương Thái Lan tính với sự phối hợp và cung cấp số liệu từ cơ quan thống kê quốc gia, còn với các nước còn lại như Mỹ, các nước thuộc EU, Australia, Canada, New Zealand, các chỉ số đều do các cơ quan thống kê quốc gia hoặc khu vực tính toán và công bố.

## ➤ ➤ ➤ THÔNG KÊ QUỐC TẾ VÀ HỘI NHẬP

**Bảng 1:** Tổng hợp chỉ số giá tiền lương và các chỉ số tương tự ở một số quốc gia

Quốc gia	Chỉ số	Phương pháp tính	Cấu thành chỉ số
Australia (ABS)	WPI (theo quý)	Công thức Laspeyres, quyền số cập nhật hàng năm (năm cơ sở 2008-2009)	Tiền công và tiền lương (bao gồm làm thêm giờ và tiền thưởng, hưu bổng, nghỉ phép và nghỉ lễ trong năm, thuế tiền lương và bồi thường cho lao động).
Canada (Cơ quan Thống kê Canada)	LCI (theo quý)	Công thức Laspeyres, quyền số cố định (năm cơ sở 2001)	Tiền lương và phúc lợi phi lương; một số chi phí tiền lương cho lao động như tiền thưởng phi sản xuất, bảo hiểm y tế và thuế tiền lương.
Mỹ (Cơ quan Thống kê Lao động Mỹ)	ECI (theo quý)	Công thức Laspeyres, quyền số cố định (năm cơ sở 2005)	Chi phí trên một giờ làm việc của các thành phần tiền lương.
EU (Eurostat)	LCI (theo quý, năm)	Công thức Laspeyres, quyền số cập nhật hàng năm	Tổng tiền công và tiền lương, đóng góp xã hội của chủ sử dụng lao động và thuế ròng của các khoản trợ cấp liên quan đến việc làm.
Anh (Cơ quan Thống kê quốc gia)	Chỉ số chi phí lao động trên một giờ (ILCH) (theo quý)	Công thức Laspeyres, quyền số cập nhật hàng năm	Tiền công và các chi phí phi tiền công; tổng chi phí lao động trung bình một giờ làm việc; tiền lương và tiền công trung bình một giờ làm việc; các chi phí lao động khác trung bình trên mỗi giờ làm việc, như: Quỹ bảo hiểm quốc gia, quỹ lương hưu nghề nghiệp, cũng như trợ cấp ốm đau, thai sản; tổng chi phí trung bình không tính tiền thưởng và nợ trên mỗi giờ làm việc.
Thái Lan (Ngân hàng trung ương Thái Lan)	LCI (theo quý)	Công thức Laspeyres, quyền số cập nhật hàng năm	Tiền lương, tiền làm thêm giờ, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác.
New Zealand (Cơ quan Thống kê New Zealand)	LCI (theo quý)	Công thức Laspeyres, quyền số cố định, thời kỳ cơ sở 6/2009 (=1000)	Mức tiền công và tiền lương: Mức tiền lương và tiền công thông thường; mức tiền công làm thêm giờ Các khoản phi lương: Nghỉ lễ và nghỉ phép hàng năm theo luật định; hưu bổng; phí bảo hiểm tai nạn của Tổng công ty Bảo hiểm tai nạn (ACC); bảo hiểm y tế; xe có sẵn để sử dụng riêng; các khoản vay lãi suất thấp.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

### 3. Bài học kinh nghiệm để áp dụng tính chỉ số giá tiền lương ở Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm và so sánh phương pháp tính CSGTL của các nước, nhóm nghiên cứu rút ra 6 bài học kinh nghiệm nhằm hiện thực hóa việc biên soạn và tính CSGTL ở Việt Nam trong thời gian tới:

*Thứ nhất*, phải xác định rõ mục đích của việc tính CSGTL ở Việt Nam. Từ mục đích này sẽ thống nhất được nội hàm của khái niệm tiền lương và phạm vi tính và cấu trúc của chỉ số.

*Thứ hai*, nghiên cứu kỹ công thức tính CSGTL ở Việt Nam. Về cơ bản, công thức Laspeyres là phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, lựa chọn quyền số cố định hay quyền số cập nhật hàng năm cần được xem xét kỹ cho phù hợp với điều kiện thực tế.

*Thứ ba*, phải xây dựng Danh mục công việc khi tính CSGTL, tương tự như: Mỹ, Australia... đã làm. Danh mục này là cơ sở để thu thập và tính tiền lương bình quân cho mỗi công việc, đồng thời là cơ sở để xác định quyền số chi phí tiền lương.

*Thứ tư*, nghiên cứu cách thức tính tiền lương bình quân giờ làm việc. Ở Việt Nam, tiền lương thường được trả theo tháng trong

khi ở các nước khác, tiền lương thường tính theo giờ. Trên thực tế, tiền lương theo giờ làm việc phản ánh chính xác hơn chi phí tiền lương của từng đơn vị.

*Thứ năm*, xác định nguồn thông tin tính CSGTL một cách rõ ràng đồng thời thực hiện thu thập thông tin qua các nguồn đó. Như đã chỉ ra ở trên, các nước đều phải thực hiện điều tra thống kê để thu thập thông tin phục vụ tính chỉ số. Trong điều kiện nguồn số liệu ở Việt Nam, kể cả từ các cuộc điều tra thống kê và các báo cáo thống kê chưa cung cấp được thông tin hữu ích cho tính toán CSGTL, việc nghiên cứu và triển khai các cuộc điều tra thống kê chuyên sâu là hoàn toàn cần thiết.

*Thứ sáu*, khi thực hiện điều tra thống kê, hầu hết các quốc gia đều tiếp cận theo hướng chi phí cho tiền lương, tiền công của chủ sử dụng lao động. Vì vậy các cuộc điều tra đều thu thập thông tin từ các đơn vị (tiền lương, tiền công của các công việc trong đơn vị). Đây cũng là điểm mà Việt Nam cần lưu tâm khi muốn thực hiện điều tra thống kê.

Các bài học kinh nghiệm nêu trên rất quan trọng và hữu ích, nhằm đề xuất một phương pháp luận tính CSGTL ở Việt Nam mang tính khoa học và khả thi trong thực tiễn.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Sharan (2001), *The Labour Cost index*, Catalogue no. 71-586-XIE, Statistics Canada.
2. [http://ec.europa.eu/eurostat/cache/metadata/en/lci\\_esms.htm](http://ec.europa.eu/eurostat/cache/metadata/en/lci_esms.htm);
3. <http://stats.govt.nz/survey-participants/a-z-of-our-surveys/labour-cost-survey-changes-to-salary-and-wage-rates.aspx>;
4. <http://publications.gc.ca/Collection/Statcan/71-586-X/71-586-XIE2001001.pdf>;
5. <http://www.abs.gov.au/websitedbs/D3310114.nsf/home/Wage+Price+Indexes+FAQs>;
6. [http://www.ine.es/en/metodologia/t22/t223018701\\_en.pdf](http://www.ine.es/en/metodologia/t22/t223018701_en.pdf);
7. <https://www.bls.gov/opub/mlr/2001/09/art1full.pdf>;
9. <https://www.bls.gov/opub/hom/pdf/homch8.pdf>;
10. <http://www.ilo.org/global/topics/wages/lang--en/index.htm>.